

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH ĐẠI  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2023

Về việc: “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Minh Quang.

Bà Đào Thị Tuyết Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Thành Trung - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa :**  
Ông Phan Hoàng Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 105/2023/TLST–HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Ph, sinh ngày 10/8/1990. (Vắng mặt).

ĐKTT: ấp L, xã Lh, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở : ấp Ph, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

**- Bị đơn:** Anh T, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Trú tại: ấp L, xã Lh, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn xin ly hôn ngày 21/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ph trình bày như sau:*

Chị và anh T cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Định, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre vào ngày 17/9/2010. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, nên cả 02 đã ly thân từ ngày 12/10/2022 cho đến nay. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung : Có 02 con chung Th, sinh ngày 12/9/2012 và Ng, sinh ngày 20/9/2015. Hiện 02 con chung đang sống với chị, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tổng đạt hợp lệ cho anh T các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh T.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của của Bộ luật Tố tụng dân sự về: xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng hạn theo qui định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ph đối với anh T; Về con chung: Có 02 con chung Th, sinh ngày 12/9/2012 và Ng, sinh ngày 20/9/2015. Hiện 02 con chung đang sống với chị Ph và các con chung muốn sống với chị Ph nên đề nghị chấp nhận cho chị Ph được nuôi 02 con chung và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ph khai không có nên không xét đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng anh vắng mặt không có lý do. Chị Ph có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph và anh T cưới nhau vào năm 2010 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Định, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân giữa chị Ph và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nên cả 02 đã ly thân ngày 12/10/2022 cho đến nay. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định của pháp luật nhưng anh T không đến Tòa để trình bày ý kiến, hòa giải cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Ph và anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Ph yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung : Có 02 con chung Th, sinh ngày 12/9/2012 và Ng, sinh ngày 20/9/2015. Hiện 02 con chung đang sống với chị Ph và các con chung muốn sống với chị Ph, nên để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần cho các cháu, HĐXX chấp nhận cho chị Ph được nuôi 02 con chung và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị Ph khai không có và không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình, bị đơn phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***T xử:***

1. Chấp nhận cho chị Ph được ly hôn với anh T. Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 17/9/2010 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Ph được quyền nuôi 02 con chung Th, sinh ngày 12/9/2012 và Ng, sinh ngày 20/9/2015. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị Ph phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002228 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

- Buộc anh T phải nộp số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7 b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã L;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thanh Tùng**